TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 31-01-2024.
"V/v Tranh chấp Hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải
Ông Thạch Na Rết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Việt T, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Bà Đỗ Phương Kiều T1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Lâm Thị Hằng N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2. Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: 1. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1975 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023 của nguyên đơn ông Lê Việt T, bà Đỗ Phương Kiều T1 và tại Tòa án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:

Năm 2020 vợ chồng ông T, bà T1 có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn T3 làm đầu thảo cụ thể:

Dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 10/02/2020 âm lịch, có 28 chân, tham gia một chân, mỗi tháng khui một lần, nguyên đơn đã đóng hụi sống đến lần khui 27, lần 28 thì đến lượt nguyên đơn hốt hụi với số tiền 132.500.000 đồng nhưng bà T2, ông T3 không giao số tiền hụi trên.

Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 22/11/2020 âm lịch, có 25 chân, tham gia một chân, mỗi tháng khui một lần, nguyên đơn đã đóng hụi sống đến lần khui thứ 17 với số tiền 85.000.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ lần khui thứ 17 thì bà T2, ông T3 ngưng khui hụi.

Cả hai dây hụi trên bà T2, ông T3 còn nợ lại số tiền 217.500.000 đồng.

Đến ngày 25/7/2022 bà T2 có lập hợp đồng trả tiền hụi và trong hợp đồng bà T2 thừa nhận nợ số tiền hụi nêu trên và hứa sẽ trả dần cho đến ngày 25/8/2022 là dứt nợ.

Sau đó từ ngày 22/5/2022 đến ngày 08/3/2023 thì bà T2, ông T3 trả được 05 lần với số tiền 19.600.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị đơn còn nợ là 197.900.000 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn chỉ hứa chứ không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T3, bà T2 trả số tiền còn nợ là 197.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 25/8/2022 đến ngày Toà án xét xử làm tròn 17 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, tiền lãi là 27.923.690 đồng, tổng cộng vốn lãi là 225.823.690 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2023 của bị đơn bà Huỳnh Thị T2 và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị T2 trình bày:

Bà thống nhất nội dung khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Bà có làm đầu thảo và vợ chồng ông T, bà T1 có tham gia 02 chân của 02 dây hụi mức 5.000.000 đồng, cụ thể:

Dây hụi khui ngày 10/02/2020 âm lịch có 28 chân, vợ chồng bà T1 tham gia 01 chân, đóng được 27 lần hụi sống, đến lần 28 là vợ chồng nguyên đơn được hốt hụi, nhưng dây hụi này do các hụi viên chậm trễ nên bà chưa giao tiền hụi cho nguyên đơn, dây này bà còn nợ nguyên đơn số tiền 132.500.000 đồng. Bà có làm thoả thuận với bà T1 là cam kết sẽ trả dần cho bà T1 đến hết ngày 25/8/2022 nhưng đến nay chưa hoàn thành. Bà thừa nhận còn nợ lại số tiền 132.500.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 22/11/2020 âm lịch có 25 chân, vợ chồng bà T1 tham gia 01 chân đã đóng được 17 lần hụi sống, sau đó thì hụi bể, bà còn nợ bà T1 số tiền 85.000.000 đồng và có hứa trả dần cho bà T1 nhưng do khó khăn nên không thực hiện được.

Cả hai dây hụi trên bà nợ vợ chồng bà T1 tổng cộng số tiền 217.500.000 đồng. Bà đã trả được số tiền 19.600.000 đồng, còn nợ lại số tiền 197.900.000 đồng.

Do hiện nay các hụi viên không đóng hụi cho bà, các dây hụi bà làm chủ hiện đều đã ngưng hoạt động. Bà cũng thừa nhận nội dung nguyên đơn khởi kiện là đúng. Nhưng nay do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên bà xin nguyên đơn cho bà được trả tiền vốn hụi là 150.000.000 đồng của cả hai dây hụi trên đồng thời không tính lãi, xin trả dần mỗi 03 tháng trả 10.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Do việc chơi hụi chỉ một mình bà đứng ra tổ chức chơi chồng bà ông Nguyễn Văn T3 không có tham gia nên bà yêu cầu một mình bà có nghĩa vụ trả nợ hụi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn bà T2, ông T3 trả cho nguyên đơn số tiền hụi của hai dây hụi nêu trên và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T2, ông T3 có nơi cư trú tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông T3.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy: Xét 02 dây hụi mức 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2020 âm lịch và ngày 22/11/2020 âm lịch, nguyên đơn ông T, bà T1 yêu cầu bị đơn bà T2, ông T3 trả số tiền còn nợ của 02 dây hụi trên tổng cộng 197.900.000 đồng. Bị đơn bà T2 thừa nhận nợ hụi số tiền hụi nêu trên nhưng xin trả vốn số tiền 150.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà T2 trả cho ông T, bà T1 số tiền của hai dây hụi trên là 197.900.000 đồng.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, yêu cầu tính lãi kể từ ngày 25/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/01/2024 làm tròn 17 tháng, mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền hụi còn nợ 197.900.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị

đơn bà T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi được tính như sau: 197.900.000 đồng x 0,83%/tháng x 17 tháng = 27.923.690 đồng.

[4] Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T3 tuy không trực tiếp chơi hụi nhưng giữa bị đơn bà Huỳnh Thị T2 với ông Nguyễn Văn T3 có quan hệ là vợ chồng, việc bà T2 làm chủ hụi có thu nhập phục vụ cho sinh hoạt của gia đình, nên khoản nợ của bà T2 được xem là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, theo qui định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình ông Nguyễn Văn T3 phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với bị đơn bà Huỳnh Thị T2.

[5] Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa bà T2 xin được trả dần số tiền còn nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T2 và ông Nguyễn Văn T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Việt T, bà Đỗ Phương Kiều T1 tiền nợ hụi 225.823.690 đồng (Trong đó, vốn 197.900.000 đồng và lãi 27.923.690 đồng).

[7] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 5% trên số tiền có nghĩa vụ thanh toán. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

[9] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 22, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Việt T, bà Đỗ Phương Kiều T1 về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn T3 trả số tiền hụi còn nợ.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Việt T, bà Đỗ Phương Kiều T1 số tiền hụi còn nợ 225.823.690 đồng (Trong đó, vốn 197.900.000 đồng và lãi 27.923.690 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị T2, ông Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí số tiền 11.291.184 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Lê Việt T, bà Đỗ Phương Kiều T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.481.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008303 ngày 31/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp